- Bước 2: Chủ tịch UBND tỉnh quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Không quy định.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ tịch UBND cấp huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: - Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015.

7. Thủ tục Phê duyệt kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Xây dựng kế hoạch

Hằng năm, Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản và báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bước 2: Trình phê duyệt kế hoạch.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch và dự toán kinh phí trước ngày 30/11 hằng năm.

- Bước 3: Gửi kế hoạch đã được phê duyệt đến Chi cục Thú y vùng I và Cục Thú y để phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Dự thảo kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Trước ngày 30/11 hằng năm.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

- Người có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Thông tư quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

VI. Lĩnh vực Thủy sản

1. Thủ tục Phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản chủ trì và phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng, điều chỉnh Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương, báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Bước 2: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình UBND tỉnh phê duyệt, điều chỉnh và bố trí kinh phí triển khai thực hiện.

- Bước 3: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản gửi Kế hoạch đã được phê duyệt, điều chỉnh đến Cơ quan Thú y vùng và Cục Thú y để phối hợp chỉ đạo, hướng dẫn và giám sát thực hiện.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Kế hoạch quan trắc, cảnh báo môi trường nuôi trồng thủy sản của địa phương.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt kế hoạch, điều chỉnh kế hoạch.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

- Thông tư số 04/2016/TT-BNNPTNT ngày 10/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật thủy sản.

B. Thủ tục hành chính nội bộ cấp huyện

I. Lĩnh vực Chương trình xây dựng nông thôn mới

1. Thủ tục Công nhận, công bố "Thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới/ nông thôn mới kiểu mẫu"

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Thôn, bản tổ chức xây dựng báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM kiểu mẫu của thôn, bản; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Ban công tác Mặt trận thôn, bản; báo cáo được thông báo, công bố công khai tại nhà văn hóa thôn, bản trong thời hạn 10 ngày để thông báo rộng rãi và tiếp nhận ý kiến góp ý của Nhân dân. Thôn, bản bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM kiểu mẫu của thôn, bản khi nhận được ý kiến tham gia (nếu có).

- Bước 2: UBND cấp xã tổ chức thẩm tra hồ sơ, đánh giá thực tế kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM kiểu mẫu đối với từng thôn, bản đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận; xây dựng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu đối với từng thôn, bản; gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; thông báo rộng rãi dự thảo báo cáo trên đài truyền thanh của xã; bổ sung hoàn thiện báo cáo đối với từng thôn, bản khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã. Mặt trận Tổ quốc cấp xã chủ trì, phối hợp với Ban công tác Mặt trận của thôn, bản tiến hành lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn, bản đối với việc đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu.

- Bước 3: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện (Phòng kinh tế thị xã, thành phố) hoặc Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện xây dựng báo cáo và báo cáo UBND cấp huyện về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu đối với từng thôn, bản đủ điều kiện để đề nghị xét, công nhận (trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện đánh giá, xác nhận mức độ đạt chuẩn đối với các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách).

+ Chủ tịch UBND cấp huyện thành lập Hội đồng thẩm định xét, đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu (gọi chung là Hội đồng thẩm định cấp huyện), gồm đại diện lãnh đạo các phòng, ban chuyên môn cấp huyện có liên quan. Chủ tịch Hội đồng thẩm định cấp huyện là một lãnh đạo UBND cấp huyện phụ trách Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn.

+ Hội đồng thẩm định cấp huyện tổ chức họp, thảo luận, bỏ phiếu xét, đề nghị công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu đối với từng thôn, bản (cuộc họp chỉ được tiến hành khi có từ 70% trở lên số thành viên Hội đồng thẩm định cấp huyện dự họp). Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện (Phòng kinh tế thị xã, thành phố) hoặc Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện hoàn thiện hồ sơ khi kết quả ý kiến nhất trí của các

thành viên Hội đồng thẩm định cấp huyện dự họp phải đạt từ 90% trở lên, trình Chủ tịch UBND cấp huyện.

+ Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu trên địa bàn.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Do UBND cấp xã và thôn, bản chuẩn bị, bao gồm:

Hồ sơ cấp thôn, bản

- Tờ trình của thôn, bản đề nghị thẩm tra, xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu (bản chính, theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

- Biên bản cuộc họp của thôn, bản đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu (bản chính, theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

- Báo cáo của thôn, bản về kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM kiểu mẫu của thôn, bản (bản chính, theo Mẫu số 03, Mẫu số 04 kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí thôn, bản NTM, NTM kiểu mẫu tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

- Báo cáo của thôn, bản về tổng hợp ý kiến tham gia của Ban công tác Mặt trận thôn, bản đối với kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM kiểu mẫu của thôn, bản (bản chính, theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này) (nếu có);

- Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng NTM, NTM kiểu mẫu của thôn (bản).

Hồ sơ cấp xã

- Tờ trình của UBND cấp xã đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu đối với từng thôn, bản (bản chính, theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

- Biên bản cuộc họp của UBND cấp xã đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu đối với từng thôn, bản (bản chính, theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

- Báo cáo của UBND cấp xã về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu đối với từng thôn, bản (bản chính, theo Mẫu số 08, Mẫu số 09 kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt chuẩn từng tiêu chí thôn, bản NTM, NTM kiểu mẫu tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

- Báo cáo của UBND cấp xã về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu đối với từng thôn, bản (bản chính, theo Mẫu số 10 tại Phụ lục I kèm theo Quy định này);

- Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc cấp xã về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn (bản) đối với việc đề nghị công nhận thôn (bản) đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu đối với từng thôn, bản (bản chính).

Kèm theo hồ sơ của thôn (bản) được quy định tại khoản 2 Điều 6 Chương II Quy định này.

- Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện (Phòng kinh tế thị xã, thành phố) hoặc Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện.

d) Thời hạn giải quyết:

- Cấp xã: Trường hợp thôn, bản chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND cấp xã trả lời bằng văn bản cho thôn, bản và nêu rõ lý do.

- Cấp huyện: Trường hợp thôn, bản chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, công nhận thôn, bản đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND cấp xã và nêu rõ lý do.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã, huyện.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND huyện quyết định công nhận thôn, bản NTM và Thôn bản, NTM kiểu mẫu và hồ sơ đề nghị của cấp thôn, bản và hồ sơ thẩm tra của cấp xã.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: UBND huyện

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các phòng, ban ngành thuộc Hội đồng thẩm định cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND huyện công nhận kết quả Bộ tiêu chí thôn, bản NTM và Bộ tiêu chí thôn, bản NTM kiểu mẫu.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới và Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2025.

2. Thủ tục Thu hồi Quyết định công nhận "Thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới/ nông thôn mới kiểu mẫu"

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức đánh giá, lấy ý kiến

- UBND cấp xã tổ chức xây dựng báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu đối với từng thôn (bản); gửi báo cáo để lấy ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; thôn (bản) trên địa bàn cấp xã bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận; báo cáo được công bố tại nhà văn hóa các thôn (bản) và trên đài truyền thanh của cấp xã trong thời hạn 10 ngày để thông báo rộng rãi đến Nhân dân.

- UBND cấp xã bổ sung hoàn thiện báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu đối với từng thôn (bản) khi nhận được ý kiến tham gia bằng văn bản của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã và thôn (bản) trên địa bàn cấp xã bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận.

- Bước 2: Hoàn thiện hồ sơ

+ Hồ sơ đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đối với từng thôn (bản) không đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu, UBND cấp xã nộp trực tiếp hoặc gửi qua bưu điện để thẩm định (01 bộ hồ sơ) và chịu trách nhiệm về toàn bộ thông tin, nội dung, số liệu trong hồ sơ, gồm:

+ Báo cáo của UBND cấp xã về kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu đối với từng thôn, bản (bản chính, theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 kèm theo biểu chi tiết đánh giá mức độ không đạt chuẩn từng tiêu chí thôn (bản) NTM; thôn (bản) NTM kiểu mẫu tại Phụ lục II kèm theo Quy định này);

+ Báo cáo của UBND cấp xã về tổng hợp ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; thôn (bản) bị đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận (bản chính, theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II kèm theo Quy định này).

+ Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện (Phòng kinh tế thị xã, thành phố) hoặc Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện.

- Bước 3: Tổ chức thẩm định, xét, thu hồi Quyết định công nhận

+ Trường hợp thôn (bản) chưa đủ điều kiện, hồ sơ chưa hợp lệ để đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu thì UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho UBND cấp xã và nêu rõ lý do, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

+ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện (Phòng kinh tế thị xã, thành phố) hoặc Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện xây dựng báo cáo và báo cáo UBND cấp huyện về kết quả thẩm định hồ sơ và mức độ không đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu đối với từng thôn (bản) đủ điều kiện để đề nghị thu hồi quyết định công nhận (trên cơ sở báo cáo bằng văn bản của các phòng, ban chuyên môn cấp huyện đánh giá, xác nhận mức độ không đạt chuẩn đối với các nội dung, tiêu chí được giao phụ trách).

+ Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, quyết định thu hồi quyết định công nhận thôn (bản) đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu trên địa bàn theo đề nghị của

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp huyện (Phòng kinh tế thị xã, thành phố) hoặc Văn phòng Điều phối NTM cấp huyện; công khai trên Trang thông tin điện tử và các phương tiện thông tin đại chúng cấp huyện.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

Do UBND cấp xã chuẩn bị, bao gồm:

- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới (của UBND cấp xã).

- Báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp xã).

- Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp xã).

- Tổng hợp danh sách các thôn (bản) bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu.

d) Thời hạn giải quyết: trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã, huyện

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND huyện quyết định thu hồi quyết định công nhận thôn (bản) đạt chuẩn NTM, NTM kiểu mẫu.

+ Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

+ Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các phòng, ban ngành thuộc Hội đồng thẩm định.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: theo Hướng dẫn số 2365/HD-SNN-VPĐP ngày 20/10/2022 của Sở Nông nghiệp và PTNT về Hướng dẫn trình tự, thủ tục hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới; thôn, bản đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2025.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, tờ khai: (Chi tiết có các mẫu đơn đính kèm).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 14/10/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới và Bộ tiêu chí thôn, bản nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Điện Biên đến năm 2025.

PHỤ LỤC I
CÁC MẪU HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN

Mẫu số 01	Tờ trình đề nghị thẩm tra, xét, công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu (của thôn, bản).
Mẫu số 02	Tờ trình đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp xã).
Mẫu số 03	Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới (của thôn, bản).
Mẫu số 04	Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu (của thôn, bản).
Mẫu số 05	Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu (của Ban phát triển thôn, bản).
Mẫu số 06	Biên bản họp đề nghị xét, công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu (của Ban phát triển thôn, bản).
Mẫu số 07	Biên bản họp đề nghị xét, công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp xã).
Mẫu số 08	Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới (của UBND cấp xã).
Mẫu số 09	Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp xã).
Mẫu số 10	Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp xã).
Mẫu số 11	Biểu tổng hợp danh sách các thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới (của UBND cấp xã).
Mẫu số 12	Biểu tổng hợp danh sách các thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp xã).
Mẫu số 13	Mẫu bằng công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới, thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Mẫu số 01

UBND XÃ.....
THÔN (BẢN).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm tra, xét, công nhận thôn (bản) ..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

Kính gửi: UBND xã....., huyện/thị xã/thành phố.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương).

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương).

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ...../...../20..... của thôn (bản)..... đề nghị xét, công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

Thôn (bản) ..... kính trình UBND xã..... thẩm tra, đề nghị xét công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm.....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Biên bản cuộc họp của Thôn (bản).....đề nghị xét, công nhận thôn (bản).....đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm.....(bản chính).

2. Báo cáo của Thôn (bản)..... về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... của thôn (bản) ..... (bản chính, kèm theo biểu chi tiết kết quả thực hiện các tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu).

3. Báo cáo của Thôn (bản)..... tổng hợp ý kiến tham gia của Ban công tác Mặt trận thôn (bản) và Nhân dân trong thôn (bản) đối với kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... của thôn (bản) ..... (bản chính).

4. Báo cáo của Thôn (bản)..... về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thôn (bản)..... (bản chính).

5. Hình ảnh minh họa về kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu của thôn (bản).....

Kính đề nghị UBND xã ..... huyện/thị xã/thành phố ..... xem xét, thẩm tra.

TM. THÔN (BẢN).....
TRƯỞNG THÔN
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../TTr-UBND	*....., ngày .... tháng ..... năm 20.....*

TỜ TRÌNH

Đề nghị thẩm định, xét, công nhận thôn (bản) ..... đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

Kính gửi: UBND huyện/thị xã/thành phố.....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Trung ương).

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của địa phương).

Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày ...../...../20..... của UBND xã ..... đề nghị xét, công nhận thôn (bản) ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

UBND xã ..... kính trình UBND huyện/thị xã/thành phố ..... thẩm định, xét công nhận thôn (bản) ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình, gồm có:

1. Biên bản cuộc họp của UBND xã ..... đề nghị xét, công nhận thôn (bản) ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm .....(bản chính).

2. Báo cáo của UBND xã ..... về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... đối với thôn (bản) ..... (bản chính, kèm theo biểu chi tiết thẩm tra mức độ đạt từng tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu đối với thôn, bản).

3. Báo cáo của UBND xã ..... tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, tổ chức và nhân dân trên địa bàn xã đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... đối với thôn (bản) ..... (bản chính).

4. Báo cáo của Mặt trận Tổ quốc xã ..... về kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn (bản) ..... đối với việc công nhận thôn (bản) ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... (bản chính).

(Kèm theo hồ sơ của Thôn (bản) ..... nộp để thẩm tra)

Kính đề nghị UBND huyện/thị xã/thành phố ..... xem xét, thẩm định.

TM. UBND XÃ.....
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...

Mẫu số 03

UBND XÃ.....
THÔN (BẢN).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm.....
của thôn (bản)....., xã....., huyện/thị xã/thành phố .....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn (bản)
2. Thuận lợi
3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh, huyện, xã.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới

1. Công tác chỉ đạo, điều hành
2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng thôn (bản) nông thôn mới

Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:
- Ngân sách trung ương: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Ngân sách tỉnh: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Ngân sách cấp huyện: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Ngân sách xã: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án: ... triệu đồng, chiếm .....%;
- Vốn tín dụng: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Doanh nghiệp: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Nhân dân đóng góp: ..... triệu đồng, chiếm .....%.
- Vốn huy động khác *(nếu có):* ..... triệu đồng, chiếm .....%.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới

Tổng số tiêu chí thôn (bản) tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là ...../..... (tổng số) tiêu chí, đạt .....%, cụ thể *(cần đánh giá cụ thể: khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần phải thực hiện, tỷ lệ (%) đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu):*

1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....
- Các nội dung đã thực hiện: .....
- Khối lượng đã thực hiện: .....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).*

n. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....
- Các nội dung đã thực hiện: .....
- Khối lượng đã thực hiện: .....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).*

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung, giải pháp

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN (BẢN)
TRƯỞNG BAN
(ký tên, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ THÔN (BẢN) NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM.....
của thôn (bản) ....., xã ....., huyện/thị xã/thành phố .....
(Kèm theo Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới năm.....của thôn, bản.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn (bản)
1		1.1.			
		1.2.			
		....			
2		2.1.			
		2.2.			
		....			
...		....			

Mẫu số 04

UBND XÃ.....
THÔN (BẢN).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu đến năm.....
của thôn (bản)....., xã....., huyện/thị xã/thành phố .....

I. Đặc điểm tình hình chung

1. Nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn (bản)

2. Thuận lợi

3. Khó khăn

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh, huyện, xã.

III. Kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu

1. Công tác chỉ đạo, điều hành

2. Công tác truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Công tác chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Kết quả nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu

Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Ngân sách tỉnh: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Ngân sách cấp huyện: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Ngân sách xã: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Vốn lồng ghép từ các chương trình, dự án: ... triệu đồng, chiếm .....%;
- Vốn tín dụng: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Doanh nghiệp: ..... triệu đồng, chiếm .....%;
- Nhân dân đóng góp: ..... triệu đồng, chiếm .....%.
- Vốn huy động khác *(nếu có):* ..... triệu đồng, chiếm .....%.

IV. Kết quả thực hiện các tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu

1. Kết quả duy trì các tiêu chí thôn NTM

2. Kết quả thực hiện các tiêu chí thôn NTM kiểu mẫu

Tổng số tiêu chí thôn (bản) tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo quy định là ...../..... (tổng số) tiêu chí, đạt .....%, cụ thể *(cần*

đánh giá cụ thể: khối lượng đã thực hiện hoàn thành/tổng khối lượng cần phải thực hiện, tỷ lệ (%) đạt chuẩn, mức độ đạt chuẩn đối với từng tiêu chí, chỉ tiêu):

2.1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....
- Các nội dung đã thực hiện: .....
- Khối lượng đã thực hiện: .....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).*

2.n. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....
- Các nội dung đã thực hiện: .....
- Khối lượng đã thực hiện: .....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Tự đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... *(tự đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).*

V. Đánh giá chung

1. Những mặt đã làm được
2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân
3. Bài học kinh nghiệm

VI. Kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu

1. Quan điểm
2. Mục tiêu
3. Nội dung, giải pháp

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN (BẢN)
TRƯỞNG BAN
(ký tên, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ THÔN (BẢN) NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU ĐẾN NĂM.....

của thôn (bản) ....., xã ....., huyện/thị xã/thành phố .....

(Kèm theo Báo cáo kết quả xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu năm...của thôn, bản...)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu đạt chuẩn	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của thôn (bản)
1		1.1.			
		1.2.			
		....			
2		2.1.			
		2.2.			
		....			
...		....			

Mẫu số 05

UBND XÃ.....
THÔN (BẢN).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu đến năm... trên địa bàn thôn (bản)..., xã....., huyện/thị xã/thành phố.....

I. Tóm tắt quá trình Ban phát triển thôn (bản) chức lấy ý kiến tham gia

- .....
- .....

II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... trên địa bàn thôn (bản) .....

1. Ý kiến tham gia của Ban công tác Mặt trận thôn (bản)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của các tổ chức khác trên địa bàn thôn, bản (các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, hợp tác xã,....)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....
- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn thôn (bản)

- Ý kiến tham gia: .....
- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của Ban phát triển thôn (bản)

- .....
- .....

TM. BAN PHÁT TRIỂN THÔN (BẢN)
TRƯỞNG BAN
(ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06

UBND XÃ.....
THÔN (BẢN).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

BIÊN BẢN
Họp đề nghị xét, công nhận thôn (bản) ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ...

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của cấp huyện);

Căn cứ Báo cáo của Ban phát triển thôn (bản), ngày ...../...../..... về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới/thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... của thôn (bản).

Căn cứ Báo cáo của Ban phát triển thôn (bản), ngày ...../...../..... về kết quả thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới/thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... của thôn (bản).

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../..... tại nhà văn hóa thôn (bản) ....., xã ....., huyện/thị xã/thành phố ..... tổ chức họp đề nghị xét, công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ....., cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác;
- .....
- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Ban phát triển thôn (bản) báo cáo kết quả: Tự đánh giá kết quả thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu của thôn (bản); tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới/thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu của thôn (bản).

2. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị, xét công nhận thôn (bản)..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ....., cụ thể như sau:

- .....

3. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận thôn (bản) ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... là ...../tổng số ..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt .....%.

Biên bản kết thúc hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí .....%.

Biên bản này được lập thành..... bản có giá trị pháp lý như nhau: Ban phát triển thôn (bản) lưu ..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu gửi UBND xã..... bản.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 07

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày .... tháng ..... năm 20.....

BIÊN BẢN

Họp đề nghị xét, công nhận thôn (bản).....
đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ...

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của cấp huyện);

Căn cứ Báo cáo số ..... ngày ...../...../..... của UBND xã ..... về tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... đối với thôn (bản).....

Căn cứ Báo cáo số ..... ngày ...../...../..... của UBND xã .....về kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... đối với thôn (bản) .....

Hôm nay, vào hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../..... tại ....., UBND xã ..... tổ chức họp đề nghị xét, công nhận thôn (bản) ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ....., cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM GIA CUỘC HỌP, GỒM CÓ:

- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác - Chủ trì cuộc họp;
- Ông (bà): ..... - Chức vụ, đơn vị công tác;
- .....
- Ông (bà): .....- Chức vụ, đơn vị công tác - Thư ký cuộc họp.

II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. UBND xã..... trình bày Báo cáo: Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... đối với thôn (bản).....; tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... đối với thôn (bản) .....

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã trình bày Báo cáo kết quả lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trên địa bàn thôn (bản) đối với việc công nhận thôn (bản) ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm .....

3. Ý kiến phát biểu thảo luận của các thành viên tham dự cuộc họp về đề nghị xét, công nhận thôn (bản) ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm ....., cụ thể như sau:

- .....
- .....

4. Kết quả bỏ phiếu: Số thành viên tham dự cuộc họp nhất trí đề nghị xét, công nhận thôn (bản) ..... đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm …… là ...../tổng số ..... thành viên tham dự cuộc họp, đạt .....%.

Biên bản kết thúc hồi ..... giờ ..... phút ngày ...../...../....., đã thông qua cho các thành viên tham dự cuộc họp cùng nghe và nhất trí .....%.

Biên bản này được lập thành .....bản có giá trị pháp lý như nhau: UBND xã lưu ..... bản; để làm hồ sơ đề nghị xét, công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu gửi UBND huyện/thị xã/thành phố ..... bản.

THƯ KÝ CUỘC HỌP	**CHỦ TRÌ CUỘC HỌP**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 08

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../BC-UBND	*....., ngày .... tháng ..... năm 20.....*

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới năm ..... đối với thôn (bản) ....., xã....., huyện/thị xã/TP .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của cấp huyện);

Căn cứ đề nghị của Ban phát triển thôn (bản)..... tại Tờ trình ngày ...../...../..... về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới năm.....

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng thôn (bản) nông thôn mới trên địa bàn thôn (bản) ....., UBND xã..... báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới năm..... đối với thôn (bản) ....., cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới

3. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới *(cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể)*

3.1. Tiêu chí số ..... về .....:

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....
- Các nội dung đã thực hiện: .....
- Khối lượng thực hiện: .....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... *(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).*

3.n. Tiêu chí số ..... về .....:

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng thực hiện: .....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... *(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).*

4. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới

- .....

5. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới

- .....

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới của thôn (bản) ..... đã được UBND xã ..... thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là: ...../15 tiêu chí, đạt .....%.

- .....

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới

- .....

- .....

III. KIẾN NGHỊ

1. .....

n. .....

TM. UBND XÃ.....
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ THÔN (BẢN) NÔNG THÔN MỚI ĐẾN NĂM.....
đối với thôn (bản) ....., xã....., huyện/thị xã/thành phố .....
(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày.... tháng.... năm 20.....
của UBND xã .....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của thôn (bản)	Kết quả thẩm tra của xã
1		1.1.			
		1.2.			
		....			
2		2.1.			
		2.2.			
		....			
....		....			

Mẫu số 09

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../BC-UBND	*....., ngày .... tháng ..... năm 20.....*

BÁO CÁO

Kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm ..... đối với thôn (bản) ....., xã....., huyện/thị xã/TP .....

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh);

Căn cứ (các văn bản chỉ đạo có liên quan của cấp huyện);

Căn cứ đề nghị của Ban phát triển thôn (bản)..... tại Tờ trình ngày ...../...../..... về việc thẩm tra, đề nghị xét, công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm.....

Căn cứ kết quả thẩm tra, đánh giá cụ thể thực tế xây dựng thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thôn (bản) ....., UBND xã..... báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu năm..... đối với thôn (bản) ....., cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....):

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả chỉ đạo thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu

3. Kết quả duy trì các tiêu chí thôn NTM

4. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu *(cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí cụ thể)*

4.1. Tiêu chí số ..... về .....:

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....
- Các nội dung đã thực hiện: .....
- Khối lượng thực hiện: .....
- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... *(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).*

4.n. Tiêu chí số ..... về .....:

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tình hình tổ chức triển khai thực hiện: .....

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng thực hiện: .....

- Kinh phí đã thực hiện (nếu có): ..... triệu đồng.

c) Đánh giá: Mức độ đạt tiêu chí ..... *(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).*

5. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu

- .....

6. Về kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu

- .....

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện và mức độ đạt chuẩn các tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu

- Tổng số tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu của thôn (bản) ..... đã được UBND xã ..... thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu tính đến thời điểm thẩm tra là: ...../17 tiêu chí, đạt .....%.

- .....

3. Về tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản trong thực hiện xây dựng thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu

- .....

- .....

III. KIẾN NGHỊ

1. .....

n. .....

TM. UBND XÃ.....
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA MỨC ĐỘ ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ THÔN (BẢN) NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU ĐẾN NĂM.....
đối với thôn (bản) ....., xã....., huyện/thị xã/thành phố .....
(Kèm theo Báo cáo số .../BC-UBND ngày.... tháng.... năm 20.....
của UBND xã .....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của thôn (bản)	Kết quả thẩm tra của xã
1		1.1.			
		1.2.			
		....			
2		2.1.			
		2.2.			
		....			
....		....			

Mẫu số 10

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../BC-UBND	*..., ngày ... tháng ... năm 20...*

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới/thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu năm.... đối với thôn (bản)....., xã....., huyện/thị xã/TP.....

I. Tóm tắt quá trình UBND xã..... tổ chức lấy ý kiến tham gia

- .....

- .....

II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả thẩm tra hồ sơ và mức độ đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới/thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu năm..... đối với thôn (bản).....

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã.....

- Hình thức tham gia ý kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn xã ..... (tên đơn vị, tổ chức: .....)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã.....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã.....

- .....

- .....

Nơi nhận: - .....; - .....; - .....; - Lưu: VT, ...	**TM. UBND XÃ.....** **CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 11

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm 20...

TỔNG HỢP DANH SÁCH
CÁC THÔN (BẢN) ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI
(thuộc xã....., huyện/thị xã/thành phố.....)

TT	Tên thôn (bản) đã đạt chuẩn nông thôn mới	Năm được công nhận	Số, ký hiệu, ngày tháng năm của Quyết định công nhận	Cấp ban hành Quyết định	Trích yếu nội dung Quyết định	Năm công bố thôn (bản) đạt chuẩn NTM	Ghi chú
1	Thôn (bản)						
2	Thôn (bản)						
...	Thôn (bản)						
	Tổng số: .... thôn (bản) đạt chuẩn/tổng số .... thôn (bản) thuộc xã, đạt ....%						

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. UBND XÃ.....
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 12

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm 20...

TỔNG HỢP DANH SÁCH
CÁC THÔN (BẢN) ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU
(thuộc xã....., huyện/thị xã/thành phố.....)

TT	Tên thôn (bản) đã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Năm được công nhận	Số, ký hiệu, ngày tháng năm của Quyết định công nhận	Cấp ban hành Quyết định	Trích yếu nội dung Quyết định	Năm công bố thôn (bản) đạt chuẩn NTM kiểu mẫu	Ghi chú
1	Thôn (bản)						
2	Thôn (bản)						
...	Thôn (bản)						
	Tổng số: .... thôn (bản) đạt chuẩn/tổng số .... thôn (bản) thuộc xã, đạt ....%						

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH
(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. UBND XÃ.....
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 13

MẪU BẰNG CÔNG NHẬN THÔN (BẢN) ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI, THÔN (BẢN) ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI KIỂU MẪU

(Quốc huy)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỦ TỊCH

UBND CẤP HUYỆN

CÔNG NHẬN

THÔN (BẢN)....., XÃ……., HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ…..

Đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm……

Quyết định số:……/QĐ-UBND *……, ngày… tháng… năm…*

Ngày…./…/… **CHỦ TỊCH**

Yêu cầu đối với Mẫu số 13:

1. Hình thức:

a) Chính giữa phía trên là Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Đường diềm, bên ngoài đường diềm được trang trí bằng các họa tiết hoa văn.

2. Nội dung viết trong bằng công nhận:

a) Dòng thứ nhất: Quốc hiệu: "CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM" được trình bày bằng chữ in hoa, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 15, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

b) Dòng thứ hai: Tiêu ngữ: "Độc lập - Tự do - Hạnh phúc" được trình bày bằng chữ in thường, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 16, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen và ở liền phía dưới Quốc hiệu; chữ cái đầu của các cụm từ được viết hoa, giữa các cụm từ có gạch nối, có cách chữ; phía dưới có đường kẻ ngang, nét liền, có độ dài bằng độ dài của dòng chữ.

c) Dòng thứ ba, thứ tư: Ghi tách làm hai dòng "CHỦ TỊCH" và "UỶ BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN" được trình bày bằng chữ in hoa, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 26 cho dòng trên và cỡ chữ 20 cho dòng dưới, kiểu chữ đứng, đậm, màu đỏ.

d) Dòng thứ năm: "CÔNG NHẬN" được trình bày bằng chữ in hoa, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 24, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

đ) Dòng thứ sáu: Ghi tên THÔN (BẢN)....., XÃ……., HUYỆN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ….. được trình bày bằng chữ in hoa, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ căn chỉnh cho phù hợp, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

e) Dòng thứ bảy: *"Đạt chuẩn nông thôn mới năm….."*, hoặc *"Đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm….."* được trình bày bằng chữ in thường, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ căn chỉnh cho phù hợp, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

g) Phía dưới bên phải in hai dòng chữ:

- *"……, ngày….. tháng….. năm….."* được trình bày bằng chữ in thường, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 15, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

- "CHỦ TỊCH" được trình bày bằng chữ in hoa, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 14, kiểu chữ đứng, đậm, màu đen.

h) Phía dưới bên trái in hai dòng chữ:

- *"Quyết định số……/QĐ-UBND"*.

- *"Ngày…..tháng…..năm….."*.

Ghi theo số, ngày, tháng, năm ban hành quyết định; chữ của hai dòng được trình bày bằng chữ in thường, phông chữ "Times New Roman", cỡ chữ 14, kiểu chữ nghiêng, đậm, màu đen.

3. Chất liệu, kích cỡ, hình nền:

a) Bằng được in trên giấy trắng định lượng 150 - 250 gram/m^2.

b) Kích thước dài 420 mm, rộng 297 mm, đường trang trí hoa văn dài 360 mm, rộng 237 mm.

c) Hình nền:

Bằng công nhận thôn (bản): sử dụng họa tiết vân mây, chính giữa là hình cánh sen cách điệu, viền xanh, khung đỏ.

Phụ lục II
CÁC MẪU HỒ SƠ XÉT, THU HỒI QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN

Mẫu số 01	Báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới (của UBND cấp xã).
Mẫu số 02	Báo cáo kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp xã).
Mẫu số 03	Báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu (của UBND cấp xã).
Mẫu số 04	Tổng hợp danh sách các thôn (bản) bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu.

Mẫu số 01

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../BC-UBND	*..., ngày ... tháng ... năm 20...*

BÁO CÁO
Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới năm..... của thôn (bản).....

I. Khái quát đặc điểm tình hình

1. Thôn (bản) ..... đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới năm..... *(cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định công nhận thôn (bản) đạt chuẩn NTM).*

2. ..... *(cần nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thôn (bản); thuận lợi, khó khăn trong thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí thôn (bản) NTM).*

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh và của cấp huyện.

III. Đánh giá công tác chỉ đạo thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới

1. Về chỉ đạo, điều hành

2. Về truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Về chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Về nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Về huy động nguồn lực *(từ khi thôn, bản được công nhận đạt chuẩn NTM đến thời điểm đánh giá)*

Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:..... *(cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn).*

IV. Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn các tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới

1. Tổng số tiêu chí nông thôn mới của thôn (bản)..... đã được UBND xã..... đánh giá không đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm đánh giá *(tháng..../20...)* là:...../15 tiêu chí, chiếm.....%, cụ thể *(cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí)*:

1.1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng đã thực hiện: .....

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí..... *(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

1.n. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng đã thực hiện: .....

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí..... *(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí)*.

2. Đánh giá tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn thôn (bản):

- .....

- .....

V. Kết luận *(cần khẳng định rõ thôn (bản) đủ điều kiện hay không đủ điều kiện đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận theo quy định)*

- .....

- .....

VI. Kiến nghị

- .....

- .....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...

TM. UBND XÃ .....
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ KHÔNG ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ THÔN (BẢN) NÔNG THÔN MỚI NĂM.....
của thôn (bản).....
(Kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND
ngày... tháng ... năm 20... của UBND xã.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả đánh giá
1		1.1.		
		1.2.		
		...		
2		2.1.		
		2.2.		
		...		
...		...		

Mẫu số 02

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: .../BC-UBND	*..., ngày ... tháng ... năm 20...*

BÁO CÁO

Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu năm..... của thôn (bản).....

I. Khái quát đặc điểm tình hình

1. Thôn (bản) ..... đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu năm..... *(cần nêu cụ thể: số, ký hiệu, ngày tháng năm, trích yếu, cấp có thẩm quyền quyết định công nhận thôn (bản) đạt chuẩn NTM kiểu mẫu).*

2. ..... *(cần nêu tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của xã; thuận lợi, khó khăn trong thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí thôn (bản) NTM kiểu mẫu).*

II. Căn cứ triển khai thực hiện

Căn cứ các văn bản chỉ đạo có liên quan của Tỉnh và của cấp huyện.

III. Đánh giá công tác chỉ đạo thực hiện duy trì, nâng cao chất lượng tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu

1. Về chỉ đạo, điều hành

2. Về truyền thông, đào tạo, tập huấn

a) Công tác truyền thông.

b) Công tác đào tạo, tập huấn.

3. Về chỉ đạo phát triển sản xuất, ngành nghề, nâng cao thu nhập cho người dân

a) Công tác phát triển kinh tế nông thôn.

b) Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

c) Về nâng cao thu nhập, giảm nghèo cho người dân.

4. Về huy động nguồn lực *(từ khi thôn, bản được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu đến thời điểm đánh giá)*

Tổng kinh phí đã thực hiện: ..... triệu đồng, trong đó:..... *(cần nêu cụ thể: số kinh phí, tỷ lệ (%) của từng nguồn vốn).*

IV. Kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn các tiêu chí thôn (bản) nông thôn mới kiểu mẫu

1. Tổng số tiêu chí nông thôn mới kiểu mẫu của thôn (bản)..... đã được UBND xã..... đánh giá không đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm đánh giá *(tháng..../20...)* là:...../17 tiêu chí, chiếm.....%, cụ thể *(cần đánh giá từng chỉ tiêu, tiêu chí)*:

1.1. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng đã thực hiện: .....

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí..... *(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).*

1.n. Tiêu chí số ..... về .....

a) Yêu cầu của tiêu chí: .....

b) Kết quả thực hiện:

- Các nội dung đã thực hiện: .....

- Khối lượng đã thực hiện: .....

c) Đánh giá: Mức độ không đạt tiêu chí..... *(đánh giá trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu mức đạt của tiêu chí).*

2. Đánh giá tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn thôn (bản):

- .....

- .....

V. Kết luận *(cần khẳng định rõ thôn (bản) đủ điều kiện hay không đủ điều kiện đề nghị xét, thu hồi quyết định công nhận theo quy định)*

- .....

- .....

VI. Kiến nghị

- .....

- .....

Nơi nhận:
- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...

TM. UBND XÃ .....
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ KHÔNG ĐẠT CHUẨN CÁC TIÊU CHÍ THÔN (BẢN) NTM KIỂU MẪU NĂM.....
của thôn (bản).....

(Kèm theo Báo cáo số...../BC-UBND
ngày... tháng ... năm 20... của UBND xã.....)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Tiêu chuẩn đạt chuẩn	Kết quả đánh giá
1		1.1.		
		1.2.		
		...		
2		2.1.		
		2.2.		
		...		
...		...		

Mẫu số 03

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ.....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../BC-UBND	*..., ngày ... tháng ... năm 20...*

BÁO CÁO

Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn thôn (bản) nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... của thôn (bản).....

I. Tóm tắt quá trình UBND xã ..... tổ chức lấy ý kiến tham gia

- .....

- .....

II. Tổng hợp ý kiến tham gia đối với kết quả đánh giá mức độ không đạt chuẩn nông thôn mới/nông thôn mới kiểu mẫu năm..... của thôn (bản).....

1. Ý kiến tham gia của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội của xã.....

- Hình thức tham gia ý kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

2. Ý kiến tham gia của các đơn vị, tổ chức khác trên địa bàn xã..... (tên đơn vị, tổ chức: .....)

- Hình thức tham gia ý kiến: .....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

3. Ý kiến tham gia của nhân dân trên địa bàn xã.....

- Ý kiến tham gia: .....

- Đề xuất, kiến nghị (nếu có): .....

III. Kết quả tiếp thu ý kiến tham gia, giải trình của UBND xã.....

- .....

- .....

Nơi nhận: - .....; - .....; - Lưu: VT, ...	**TM. UBND XÃ.....** **CHỦ TỊCH** *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Mẫu số 04

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ.....	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm 20...

TỔNG HỢP DANH SÁCH CÁC THÔN (BẢN) BỊ THU HỒI QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN ĐẠT CHUẨN NTM/ĐẠT CHUẨN NTM KIỂU MẪU (thuộc xã....., huyện/thị xã/TP.....)

TT	Tên thôn (bản) bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	Năm đã được công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thốn mới kiểu mẫu	Quyết định thu hồi quyết định công nhận thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới/đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu			Ghi chú
			Số, ký hiệu, ngày tháng năm của Quyết định thu hồi	Cấp ban hành Quyết định thu hồi	Trích yếu nội dung Quyết định thu hồi	
1	Thôn (bản).....					
2	Thôn (bản).....					
...	Thôn (bản).....					
	Tổng số: .... thôn (bản) bị thu hồi quyết định công nhận đạt chuẩn NTM hoặc NTM kiểu mẫu/tổng số.... Thôn (bản) đã được công nhận đạt chuẩn NTM/đạt chuẩn NTM kiểu mẫu thuộc xã, chiếm ....%					

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH *(Ký, ghi rõ họ tên)*	TM. UBND XÃ..... CHỦ TỊCH *(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

UBND XÃ (PHƯỜNG, THỊ TRẤN)……	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
-------	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-	*……, ngày…… tháng…… năm……*

TỔNG HỢP
KẾ HOẠCH GIAO RỪNG, CHO THUÊ RỪNG NĂM ……..

STT	Thôn, bản	Tiểu khu	Khoảnh	Lô	Thông tin về lô rừng						Loại rừng	Dự kiến giao (ha)	Dự kiến cho thuê (ha)
					Rừng tự nhiên			Rừng trồng					
					Diện tích	Trạng thái	Trữ lượng (m^3)	Diện tích	Loài cây	Năm			
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*

Nơi nhận:
- UBND huyện ….;
- ……

TM. UBND
CHỦ TỊCH
(Ký tên và đóng dấu)

II. Lĩnh vực Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)

1. Thủ tục hành chính ban hành Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 3 sao.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: UBND cấp huyện tiếp nhận hồ sơ sản phẩm/dịch vụ từ các cá nhân/tổ chức đăng ký sản phẩm tham gia Chương trình OCOP, kiểm tra thể thức, thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (nếu cần).

- Bước 2: Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn/ Phòng Kinh tế tham mưu ban hành Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá sản phẩm OCOP cấp huyện, Tổ giúp việc Hội đồng cấp huyện và kế hoạch đánh giá.

- Bước 3: Tổ chức họp Hội đồng đánh giá, phân hạng

+ Các thành viên hội đồng đánh giá sản phẩm theo phiếu đánh giá. Chủ thể sản phẩm OCOP có thể tham gia trình bày, diễn giải trước Hội đồng.

+ Các thành viên Hội đồng thảo luận, trao đổi những vấn đề chưa rõ; thảo luận, thống nhất quan điểm đánh giá một số chỉ tiêu chưa cụ thể, định tính (nếu cần); tham khảo kết quả khảo sát, đánh giá phản hồi của người tiêu dùng về sản phẩm (nếu có).

+ Hội đồng tổng hợp kết quả đánh giá, tính trung bình điểm của các thành viên (điểm của các thành viên không được chênh lệch nhau quá 10 điểm). Thống nhất thông qua kết quả đánh giá, đề xuất các sản phẩm được tham gia đánh cấp tỉnh, báo cáo kết quả tới UBND cấp huyện và đề xuất về phân hạng sản phẩm.

- Bước 4: Phân hạng sản phẩm OCOP

+ Căn cứ kết quả điểm số đánh giá của Hội đồng, các sản phẩm được xếp hạng theo khung từ 1 đến 5 sao.

+ UBND cấp huyện thông báo kết quả cho các chủ thể OCOP, đề nghị hoàn thiện/bổ sung hồ sơ (nếu cần).

+ UBND cấp huyện ban hành Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 3 sao; tổ chức công bố kết quả.

+ Trường hợp kết quả đánh giá của Hội đồng cấp huyện đạt từ 70 điểm đến 100 điểm (từ 4 sao trở lên), UBND huyện chuyển hồ sơ lên UBND tỉnh, để đề nghị đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP.

+ Trường hợp kết quả đánh giá của Hội đồng cấp huyện đạt dưới 50 điểm (không đạt 3 sao) hoặc hồ sơ không hợp lệ, Hội đồng cấp huyện gửi trả hồ sơ cho chủ thể để hoàn thiện tham gia đánh giá lại và phân hạng vào lần sau.

+ UBND cấp huyện thông báo kết quả cho UBND cấp xã để tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ đề xuất đánh giá sản phẩm cấp huyện: Do các chủ thể OCOP chuẩn bị, bao gồm:

+ Báo cáo đánh giá của UBND cấp xã về một số tiêu chí (theo quy định tại khoản a, mục 1 và mẫu phiếu số 3).

+ Hồ sơ sản phẩm gồm: Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (mẫu biểu số 1), Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (mẫu biểu số 2).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gốc và 01 bộ hồ sơ điện tử (hồ sơ scan). Hồ sơ sản phẩm (bản điện tử) cần được chuyển cho các thành viên Hội đồng trước ngày họp đánh giá ít nhất 01 ngày làm việc.

- Đối tượng đánh giá: 05 Mẫu sản phẩm (trừ sản phẩm dịch vụ du lịch) và hồ sơ sản phẩm. Đối với các sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch: Các thành viên kiểm tra thực tế và đánh giá trước tại thực địa.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp hồ sơ sản phẩm không hợp lệ trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, UBND cấp huyện trả lời bằng văn bản cho chủ thể và nêu rõ lý do.

- Sau khi tiếp nhận hồ sơ hoàn thiện theo ý kiến các thành viên tại Hội nghị đánh giá, xếp hạng sản phẩm OCOP cấp huyện, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ, UBND cấp huyện sẽ ban hành Quyết định công nhận kết quả đánh giá, cấp Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 3 sao; UBND cấp huyện sẽ ban hành văn bản Đề nghị đánh giá, phân hạng, công nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Các cá nhân, tổ chức trên địa bàn.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp huyện.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn/ Phòng Kinh tế

- Cơ quan phối hợp thực hiện TTHC: Các phòng, ban khối UBND cấp huyện, Hội đồng đánh giá, xếp hạng và Tổ giúp việc Hội đồng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận kết quả đánh giá, Giấy chứng nhận sản phẩm đạt 3 sao.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không

i) Tên mẫu đơn, tờ khai:

- Phiếu đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP (Biểu số 1).

- Báo cáo của chủ thể đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (Biểu số 2).

(Chi tiết có các mẫu biểu đính kèm).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm.

BIỂU SỐ 01: PHIẾU ĐĂNG KÝ ĐÁNH GIÁ, PHÂN HẠNG SẢN PHẨM OCOP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐĂNG KÝ
Tham gia đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình OCOP của tỉnh..... năm .....

1. Thông tin về đơn vị đăng ký:

- Tên đơn vị: .....
- Họ tên người đại diện pháp lý:.....
- Chức vụ: .....
- Địa chỉ liên hệ: .....
- Điện thoại:..... Email: .....

2. Tên sản phẩm: .....

3. Nhóm sản phẩm đăng ký (Ngành, Nhóm, Phân nhóm[1]):.....

.....

4. Lần đăng ký đánh giá: Lần đầu ☐ Nâng hạng: ☐ Đánh giá lại: ☐

5. Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo đánh giá về sản phẩm theo Bộ tiêu chí (bản gốc, bản điện tử).
- Sản phẩm mẫu (số lượng):.....

Cam đoan những thông tin trong Phiếu đăng ký là đúng sự thật, chúng tôi xin cam kết tuân thủ các quy định của Chương trình OCOP về đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, chịu trách nhiệm trước Hội đồng và pháp luật về Hồ sơ đăng ký đánh giá, phân hạng sản phẩm./.

..... ngày..... tháng.....năm

ĐẠI DIỆN
(*Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên*)

---

[1] Theo Phụ lục I về Danh mục phân loại sản phẩm tham gia Chương trình OCOP

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ

DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH OCOP CẤP HUYỆN

Phiếu số: ……-……/PĐK- (Mã tỉnh) - (Mã huyện) - (Năm)

Ngày nhận:……

Người tiếp nhận:…….. Chữ ký: ……

Cơ quan tiếp nhận

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

DÀNH CHO CƠ QUAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH OCOP CẤP TỈNH

Phiếu số: …..-……/PĐK- (Mã tỉnh) - (Mã huyện) - (Năm)

Ngày nhận:……

Người tiếp nhận:…….. Chữ ký: ……

Cơ quan tiếp nhận

(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

BIỂU SỐ 02: BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ SẢN PHẨM

(Dành cho chủ thể có sản phẩm đăng ký)

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên chủ thể: .....

2. Loại hình tổ chức: .....

3. Địa chỉ: .....

4. Điện thoại: .....Email: .....

5. Tên người đại diện pháp luật:

- Họ tên: .....

- Giới tính:.....(Nam/nữ); Dân tộc: .....

- Địa chỉ thường trú: .....

6. Ngày thành lập/đăng ký kinh doanh:..... Số giấy đăng ký (nếu có):.....

7. Tên sản phẩm/dịch vụ, mô tả về quy cách sản phẩm, tiêu chuẩn:

.....

.....

.....

Đánh dấu (✓) vào mục tương ứng:

a) Giấy đăng ký kinh doanh: ☐

b) Đã công bố chất lượng cơ sở: ☐

c) Đã có các điều kiện sản xuất theo quy định:

- Giấy đủ điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của pháp luật cho sản xuất sản phẩm: ☐

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất bắt buộc theo quy định cho sản phẩm *(đối với các sản phẩm bắt buộc theo quy đinh)*: ☐

d) Đã có đăng ký sở hữu trí tuệ: ☐

+ Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu: ☐

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận: ☐

+ Giấy chứng nhận đăng ký kiểu dáng công nghiệp: ☐

+ Khác (ghi rõ): .....☐

8. Lịch sử hình thành của chủ thể (nêu các giai đoạn hình thành và phát triển):

.....

.....

9. Cơ cấu tổ chức của chủ thể:

.....

PHẦN II.
KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH

Nội dung yêu cầu: Đánh giá kết quả triển khai phương án sản xuất, kinh doanh của chủ thể theo Phương án sản xuất, kinh doanh khi đăng ký tham gia Chương trình OCOP.

Lưu ý: trình bày rõ một số nội dung sau:

- Tổ chức vùng nguyên liệu, công nghệ sản xuất, sơ chế, chế biến, đóng gói sản phẩm của chủ thể.

- Sự thay đổi về chất lượng sản phẩm: chất lượng, tiêu chuẩn chất lượng, bao bì, nhãn mác, hình thức đóng gói,…

- Thị trường phân phối sản phẩm.

- Kết quả sản xuất, kinh doanh: doanh thu, lợi nhuận.

PHẦN III.
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO BỘ TIÊU CHÍ SẢN PHẨM OCOP

- Căn cứ vào Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP tương ứng với sản phẩm đăng ký, chủ thể tự đánh giá về kết quả (điểm số) có thể đạt theo thứ tự từng tiêu chí.

- Mô tả, chứng minh về kết quả tương ứng (mô tả, tài liệu minh chứng cho nội dung mô tả).

- Tài liệu minh chứng kèm theo vào phụ lục của Báo cáo, tham khảo hướng dẫn theo bảng dưới đây:

TT	Nội dung	Yêu cầu
-	Giấy đăng ký kinh doanh	Bản sao có công chứng, chứng minh hoạt động kinh doanh hợp pháp (đối với các đơn vị/cá nhân có đăng ký kinh doanh)
-	Giấy đủ điều kiện sản xuất	Bản sao có công chứng (đối với sản phẩm cần phải có giấy chứng nhận theo quy định hiện hành)
-	Nguồn gốc nguyên liệu, liên kết chuỗi	Bản sao tài liệu: Giấy xác nhận, hợp đồng, hóa đơn… chứng minh việc mua bán nguyên vật liệu, hợp đồng, thỏa thuận liên kết
-	Công bố chất lượng sản phẩm	Bản sao tài liệu, chứng minh chất lượng sản phẩm được công bố
-	Phiếu kết quả kiểm tra chỉ tiêu an toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn công bố	Bản sao tài liệu, chứng minh đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm
-	Mã số mã vạch, tem truy xuất nguồn gốc,	Bản sao tài liệu, chứng minh mã, tem, sở hữu thương hiệu…

TT	Nội dung	Yêu cầu
-	Sở hữu trí tuệ	Giấy chứng nhận đăng ký về sở hữu trí tuệ: nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, kiểu dáng,…
-	Bảo vệ môi trường	Bản sao hồ sơ, thủ tục về môi trường theo quy định; hình ảnh minh chứng về thực hiện giải pháp bảo vệ môi trường.
-	Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, kiểm soát chất lượng	Bản sao tài liệu: chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, chứng minh hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn
-	Kế toán	Bản sao tài liệu, minh chứng hoạt động kế toán của cơ sở
-	Phát triển thị trường, hoạt động quảng bá, xúc tiến thương mại	Bản sao tài liệu: Hợp đồng, cam kết, xác nhận về phân phối sản phẩm, xuất khẩu sản phẩm, hoạt động xúc tiến thương mại…
-	Câu chuyện về sản phẩm	Bản sao tờ rơi, hình ảnh, phim, ghi âm… minh chứng về câu chuyện của sản phẩm
-	Kế hoạch kiểm soát nội bộ	Bản sao kế hoạch kiểm soát nội bộ/Hồ sơ mình chứng về kế hoạch kiểm soát nội bộ
-	Giải thưởng của sản phẩm, bình chọn của các tổ chức uy tín trong nước và quốc tế…	Bản sao tài liệu, minh chứng về các thành tích, giải thưởng, bình chọn…

PHẦN IV

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH

Trình bày những định hướng, kế hoạch của chủ sở hữu trong thời gian tới về phát triển sản phẩm, tổ chức sản xuất, thị trường.

……ngày…… tháng…… năm……

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CƠ SỞ

(Ký, họ tên, đóng dấu)

III. Lĩnh vực Trồng trọt

1. Thủ tục Lập Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: UBND cấp xã đề nghị UBND cấp huyện ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa.

- Bước 2: Trên cơ sở căn cứ vào kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa phạm vi toàn tỉnh; đề nghị của UBND cấp xã; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của huyện, UBND cấp huyện ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên phạm vi toàn huyện theo Mẫu số 02.CĐ Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ bao gồm: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: UBND cấp xã .

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa địa bàn huyện theo Mẫu số 02.CĐ Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13/12/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Trồng trọt về giống cây trồng và canh tác.

Mẫu số 02.CĐ

ỦY BAN NHÂN DÂN
(Cấp tỉnh/huyện)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

KẾ HOẠCH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT TRỒNG LÚA (TỈNH/HUYỆN) GIAI ĐOẠN .....

Căn cứ quy định tại Nghị định số .../2019/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ.
Căn cứ Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của .....
UBND ..... thông báo kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa sang trồng cây hàng năm, cây lâu năm, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa giai đoạn ..... như sau:

TT	Huyện (hoặc xã)	Tổng số				Trong đó chia theo các năm											
						Năm				Năm				Năm			
		Tổng số	3 vụ lúa	2 vụ lúa	1 vụ lúa	Tổng số	3 vụ lúa	2 vụ lúa	1 vụ lúa	Tổng số	3 vụ lúa	2 vụ lúa	1 vụ lúa	Tổng số	3 vụ lúa	2 vụ lúa	1 vụ lúa
	Tổng số																
	Trồng cây hàng năm																
	.....																
	Trồng cây lâu năm																
	.....																
	Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản																
	.....																
	Trong đó																
1	**Huyện/xã**																
a	Trồng cây hàng năm																
	.....																
b	Trồng cây lâu năm																
	.....																
c	Trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản																

Ghi chú: Tổng số = Cây hàng năm + Cây lâu năm x 2 (lần); (2 lần để quy ra diện tích trồng lúa)

Cây HN: Cây hàng năm, Trồng lúa kết hợp NTTS: tính theo diện tích gieo trồng; cây LN: Cây lâu năm*: tính theo diện tích canh tác.

CHỦ TỊCH UBND.....
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Nơi nhận:
-
-

III. Lĩnh vực Thú y

1. Thủ tục Công bố dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Phòng Nông nghiệp và PTNT cấp huyện đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện công bố dịch bệnh động vật.

- Bước 2: Chủ tịch UBND cấp huyện công bố dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 26 Luật Thú y.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm DVNN /Phòng Nông nghiệp cấp huyện

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

- Người có thẩm quyền quyết định Chủ tịch UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công bố dịch bệnh động vật trên cạn.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Công bố dịch bệnh động vật trên cạn khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Có ổ dịch bệnh động vật thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch xảy ra và có chiều hướng lây lan nhanh trên diện rộng hoặc phát hiện có tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới;

- Có kết luận chẩn đoán xác định là bệnh thuộc Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch hoặc tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới của cơ quan có thẩm quyền chẩn đoán, xét nghiệm bệnh động vật.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

2. Thủ tục Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn xảy ra trong phạm vi huyện

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Trung tâm DVNN/Phòng Nông nghiệp cấp huyện căn cứ báo cáo của UBND cấp xã và văn bản trả lời của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và thủy sản, đề nghị UBND cấp huyện công bố hết dịch bệnh động vật

- Bước 2: Chủ tịch UBND cấp huyện công bố hết dịch khi có đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Thú y.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của Trung tâm DVNN cấp huyện/Phòng nông nghiệp cấp huyện

- Văn bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch và chấp thuận công bố hết dịch của Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sảnd) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Trung tâm DVNN /Phòng Nông nghiệp cấp huyện

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

- Người có thẩm quyền quyết định Chủ tịch UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định Công bố hết dịch bệnh động vật trên cạn.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Việc công bố hết dịch bệnh động vật bao gồm các điều kiện sau đây:

- Trong thời gian 21 ngày kể từ ngày con vật mắc bệnh cuối cùng bị chết, bị tiêu hủy, giết mổ bắt buộc hoặc lành bệnh mà không có con vật nào bị mắc bệnh hoặc chết vì dịch bệnh động vật đã công bố;

- Đã phòng bệnh bằng vắc-xin cho động vật mẫn cảm với bệnh dịch được công bố đạt tỷ lệ trên 90% số động vật trong diện tiêm trong vùng có dịch và trên 80% số động vật trong diện tiêm trong vùng bị dịch uy hiếp hoặc đã áp dụng biện pháp phòng bệnh bắt buộc khác cho động vật mẫn cảm với bệnh trong vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y;

- Thực hiện tổng vệ sinh, khử trùng tiêu độc trong khoảng thời gian quy định tại khoản 1 Điều 11 Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT đối với vùng có dịch, vùng bị dịch uy hiếp theo hướng dẫn tại mục 5 của Phụ lục 08 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT, bảo đảm đạt yêu cầu vệ sinh thú y;

- Có văn bản đề nghị công bố hết dịch bệnh động vật của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y địa phương và văn bản chấp thuận công bố hết dịch gửi kèm theo biên bản thẩm định điều kiện công bố hết dịch của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp trên.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015

- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Thông tư số 09/2021/TT-BNNPTNT ngày 12/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

3. Thủ tục Quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Chủ tịch UBND cấp xã trình UBND cấp huyện việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Bước 2: Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định việc hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn vượt quá khả năng của địa phương

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ tịch UBND cấp xã.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND cấp huyện.

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định hỗ trợ kinh phí, vật tư và nguồn lực phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

h) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Không quy định.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính: Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015.

UBND TỈNH ĐIỆN BIÊN
VĂN PHÒNG

Số: 1948 /PTr-KSTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Điện Biên, ngày 30 tháng 10 năm 2024
- Độ mật: Thường
- Mã: DT9795

PHIẾU TRÌNH GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Kính gửi: - Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh.

Vấn đề trình: Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính Nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên.

Cơ quan trình: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Tờ trình số 2669/TTr-SNN ngày 25/10/2024)

Tài liệu kèm theo: Không

1	**Tóm tắt nội dung công việc:** - Trình Quyết định về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính Nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên. - Kính trình lãnh đạo Văn phòng, lãnh đạo UBND tỉnh xem xét, phê duyệt ban hành.	*Ngày tháng năm 2024* **Ý kiến của Lãnh đạo UBND tỉnh**
2	**Ý kiến của các cơ quan liên quan:**	
3	**Ý kiến của bộ phận tham mưu:**	*Ngày tháng năm 2024* **Ý kiến của Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh**

Ngày tháng năm 2024 **Chuyên viên** **Nguyễn Thị Vân Anh**	*Ngày tháng năm 2024* **Lãnh đạo phòng** **Đỗ Thị Khuyên**

Ngày tháng năm 2024
Người kiểm soát

2